

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

QUÁ TRÌNH CHUẨN HOÁ GIÁO VIÊN BẬC PHỔ THÔNG ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC "KHOA GIÁO HUNG QUỐC" Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN VĂN CÂN*

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, phát biểu nhân chuyến công tác ở các địa phương phía Nam khi nói về nhiệm vụ trong giai đoạn mới Đặng Tiểu Bình đã quán triệt quan điểm: "*Muốn phát triển nhanh nền kinh tế đất nước, cần phải dựa vào khoa học và giáo dục, phải trọng thị giáo dục, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, làm nhiều hành động thiết thực đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục và khoa học của đất nước*". Với tinh thần đó, Ủy ban Giáo dục Nhà nước (nay là Bộ Giáo dục) phối hợp với các cơ quan hữu quan và các Bộ chức năng chuẩn bị "Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc". "Cương yếu" đã xác lập rõ mục tiêu cụ thể phát triển giáo dục trong những năm 1990: ưu tiên phát triển giáo dục là nhiệm vụ chiến lược, ra sức nâng cao tư tưởng đạo đức và trình độ văn hoá cho toàn dân tộc, thực hiện nhiệm vụ cơ bản hiện đại hoá đất nước, trong đó trọng tâm của trọng tâm là *cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên toàn quốc, cơ bản*

thanh toán nạn mù chữ trong tầng lớp tráng niên gọi tắt là "hai cơ bản". Để chuẩn bị cho việc thực hiện những nhiệm vụ này "Cương yếu" đặc biệt nhấn mạnh: *Muốn phục hưng dân tộc phải dựa vào giáo dục mà muốn phục hưng giáo dục phải dựa vào đội ngũ giáo viên*⁽¹⁾. Điều này chứng tỏ nhiệm vụ xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ giáo viên là vô cùng quan trọng và cần thiết, bởi giáo viên là những người trực tiếp làm công tác giáo dục, những người có vai trò quyết định sự thành công hay thất bại của công cuộc cải cách giáo dục.

1. Tình hình đội ngũ giáo viên phổ thông ở Trung Quốc những năm cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX

Tại Hội nghị về công tác giáo viên tháng 3 năm 1987 do Ủy ban Giáo dục Nhà nước tổ chức, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Liễu Bán đã đưa ra những số liệu cho thấy đội ngũ giáo viên phổ thông ở Trung Quốc hiện đang thiếu nghiêm trọng. Theo số liệu dự tính của ngành

* Ths. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

giáo dục thì trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1986-1990) tổng số giáo viên các cấp học cần khoảng 11,4 triệu người, trong đó cần gần 9 triệu giáo viên tiểu học và trung học phổ thông. Như vậy, để đảm bảo thực hiện kế hoạch về số lượng Trung Quốc phải bổ sung 1.100.000 giáo viên tiểu học, tuy nhiên các trường trung cấp sư phạm các loại đang đào tạo là 900.000, còn thiếu 200.000 người. Số giáo viên sơ trung cần bổ sung là 900.000, các trường sư phạm chuyên đang đào tạo 500.000, còn thiếu 400.000 người. Số giáo viên cao trung cần bổ sung là 300.000, các trường đại học sư phạm đào tạo khoảng 270.000 - 280.000, còn thiếu khoảng 20.000 đến 30.000 người⁽²⁾. Về chất lượng, theo thống kê vào giai đoạn này, số giáo viên phổ thông các cấp có đầy đủ bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nghĩa là những giáo viên đạt chuẩn chỉ đảm bảo ở mức 89,6%, 56% và 51,7%.

Bước vào những năm đầu của thập niên 1990, theo thống kê Trung Quốc có 241 trường đại học và cao đẳng sư phạm, mỗi năm chiêu sinh khoảng 586.000 học viên, Trung Quốc cũng có 894 trường trung cấp sư phạm, trong đó có 67 trường sư phạm mẫu giáo, hàng năm chiêu sinh 783.000 học viên, trong đó có 47.000 giáo sinh sư phạm mẫu giáo. Số học viên giáo dục có 245, chiêu sinh khoảng 230.000 học viên và còn 2065 lớp tiến tu sư phạm mỗi năm chiêu sinh 501.000 học viên...⁽³⁾. Ngoài ra còn có thể kể đến 1,2 triệu giáo viên trung và tiểu học chưa qua giáo dục sư phạm chính qui, đang tự đào tạo giáo dục sư phạm trung học và cao đẳng thông qua truyền

hình. Như vậy nếu tất cả số lượng đang đào tạo này tốt nghiệp thì đội ngũ giáo viên vẫn thiếu về số lượng và cũng chưa đảm bảo về chất lượng.

Đối với bậc tiểu học ngoài khó khăn về số lượng và trình độ còn khó khăn về tuổi đời. Các giáo viên tiểu học, nhất là ở các lớp nhỏ như 1,2,3... cần giáo viên trẻ nhiệt tình, có như vậy họ mới dễ gần với học sinh, nhưng theo số liệu điều tra ở các trường tiểu học của 12 thành phố thì số giáo viên tuổi đời từ 45 trở lên chiếm hơn 64%, cá biệt có 2 Sở là Trường Giang và Minh Trạch tỷ lệ này lên đến 78% và 80%. Mặt khác quan niệm của xã hội về địa vị của giáo viên tiểu học hiện cũng chưa thật đúng mức. Trong một đất nước có truyền thống "tôn sư, trọng đạo" lâu đời như Trung Quốc mà vào những năm này giáo viên bậc thấp vẫn chưa có sự tôn trọng cần thiết nên rất nhiều thanh niên không muốn theo học để trở thành giáo viên tiểu học.

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới còn phải kể đến một dạng giáo viên khác đó là giáo viên dạy nghề. Bước vào những năm đầu thập niên 1990 nhất là sau khi phát triển phương châm đào tạo "song nguyên chế", giáo dục hướng nghiệp đang có xu hướng phát triển với nhịp độ tương đối cao. So với phổ thông trung học tỷ lệ hai loại trường này nhìn chung trên toàn Trung Quốc đã đạt đến tỷ lệ là 3:7, trong đó có những địa phương là 1:1. Vì vậy, giáo viên chuyên môn, giáo viên dạy nghề cũng đang báo động thiếu, cần phải phát triển để đáp ứng yêu cầu nhất là cần bồi dưỡng nâng cao trình độ cho những giáo

viên dạy nghề ở các cơ sở hiện đang đào tạo cho đối tượng học sinh mới qua bậc tiểu học. Thống kê cho thấy đến năm

1997-1998, số lượng và chất lượng giáo viên ở các cấp học vẫn còn có nhiều vấn đề phải giải quyết.

Cấp học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ đạt chuẩn	Tỷ lệ thầy trò
Tiểu học	6.340.200	97,39%	1:21,04
Sơ trung	3.467.700	90,28%	1:19,29
Cao trung	946.000	72,87%	1:17,80

Ngoài số lượng thống kê trên còn phải kể đến 659.300 giáo viên mẫu giáo và số giáo viên giảng dạy cho gần 400.000 học viên tại các lớp phổ thông dành cho người trưởng thành, cũng là lực lượng đáng kể cần phải quan tâm chuẩn hoá đối với bậc phổ thông⁽⁴⁾.

2. Một số biện pháp để phát triển và chuẩn hoá đội ngũ giáo viên

a. Hoàn chỉnh hệ thống luật và qui chế.

Vốn là một quốc gia có truyền thống giáo dục lâu đời, tư tưởng tôn sư trọng đạo thấm sâu trong nhân dân chính vì thế những người làm công tác quản lý giáo dục ý thức rất rõ vai trò của giáo viên. Do vậy, ngay từ khi bắt đầu bước sang giai đoạn mới của quá trình cải cách, ngày 30-10-1993 Trung Quốc đã cho ban hành *Luật giáo viên của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*, đây là bộ luật thứ hai được ban hành sau *Luật giáo dục nghĩa vụ của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa* (ban hành từ ngày 12-4-1986). Toàn bộ Luật giáo viên bao gồm 9 chương 43 điều qui định rõ về quyền lợi nghĩa vụ cũng như yêu cầu về trình độ, chế độ học tập, đào tạo và bồi dưỡng đối với giáo viên các cấp.

Sau một số năm thực hiện, đầu năm 1996 Trung Quốc tổ chức hội nghị về công tác giáo dục sư phạm nhằm kiểm điểm lại kết quả và những tồn tại cụ thể để xác định những phương hướng trọng yếu cho sự phát triển và cải cách của công tác giáo dục sư phạm trên phạm vi toàn quốc hướng tới thế kỷ XXI. Đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, sau 2 năm thực hiện luật giáo viên của nước CHND Trung Hoa, để tạo điều kiện để quan tâm hơn nữa, đồng thời nhằm mục đích bổ sung những vấn đề còn chưa thật thỏa đáng đối với giáo viên các cấp thấp, đặc biệt là những giáo viên có thâm niên kinh nghiệm giảng dạy, ngày 22-12-1995 Quốc vụ viện phê chuẩn và sau đó Ủy ban Giáo dục nhà nước công bố *Điều lệ thâm niên dạy học nước CHND Trung Hoa*. Với 9 chương 23 điều, Điều lệ đã đưa ra những qui định cụ thể về phân loại, sử dụng, kiểm tra và xác định thâm niên dạy học đối với giáo viên các cấp. Sau đó, căn cứ vào tình hình thực hiện cải cách và báo cáo từ thực tế của các địa phương, Trung Quốc lần lượt cho ban hành: *Điều lệ giáo dục sư phạm, Điều lệ chức vụ giáo viên, Các biện pháp kiểm tra giáo viên, Các*

biện pháp thình giảng giáo viên... Vấn đề quan trọng nhất trong *Điều lệ giáo dục sư phạm, Điều lệ chức vụ giáo viên* là qui định chỉ có những giáo viên đủ chuẩn, có quá trình dạy học và có chứng nhận đã qua sát hạch đủ chuẩn mới được đứng lớp. Bất kỳ cơ quan, đơn vị nào cũng không được phép điều các giáo viên trung học, tiểu học đủ chuẩn đi làm công tác khác. Tính đến năm 2000 Trung Quốc đã chế định 6 bộ luật về giáo dục đó là: *Luật giáo viên, Luật giáo dục, Luật giáo dục nghĩa vụ, Luật giáo dục đại học, Luật bảo hộ người vị thành niên và Luật giáo dục hướng nghiệp của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*. Ngoài ra Quốc vụ viện còn ban hành 16 pháp qui về giáo dục, Bộ Giáo dục cũng đã công bố hơn 200 điều lệ hành chính giáo dục... bước đầu dựng lên khung cơ bản cho hệ thống pháp luật, pháp qui giáo dục của Trung Quốc.

b. Chú trọng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Để thực hiện thành công chiến lược "khoa giáo hưng quốc", đối với đội ngũ giáo viên phổ thông và nhất là giáo viên ở vùng nông thôn mục tiêu đề ra không chỉ tăng đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng mà còn cần phải ổn định. Chỉ khi đạt được cả ba yêu cầu trên lực lượng giáo viên mới có thể đảm bảo tốt nhất việc thực hiện giáo dục nghĩa vụ và nâng cao trình độ giáo dục cơ sở.

Các biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên về số lượng: Để tăng nhanh số lượng giáo viên, chính quyền các cấp cùng với các cơ quan hành chính giáo dục đã sử dụng nhiều biện pháp tích cực để động viên cổ vũ học sinh trung học

sau khi tốt nghiệp ghi tên dự thi vào các trường sư phạm. Một trong những biện pháp đó là động viên khích lệ và ưu tiên với những học sinh ở vùng miền Tây, vùng nông thôn và biên giới.

Sau một thời gian thí điểm đào tạo giáo viên, nhất là chuẩn hoá giáo viên bậc tiểu học và sơ trung, Học viện sư phạm truyền hình Trung Quốc đã thu được những kết quả khả quan, có thể đẩy mạnh phương pháp đào tạo này (Học viện được thành lập từ tháng 10 năm 1986, ngay trong năm đã xây dựng nội dung chương trình gồm 16 môn học cho đối tượng là giáo viên bậc tiểu học và tiến hành chiêu sinh đào tạo⁽⁶⁾). Bước thực hiện đột phá của phương pháp mới đã mở ra một hướng đi phù hợp cho hệ thống giáo dục. Để thúc đẩy quá trình đào tạo giáo viên nói chung, với mục đích ưu tiên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản nhất cho những người tình nguyện trở thành giáo viên tiểu học nói riêng, căn cứ vào kết quả của Học viện sư phạm truyền hình các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc xác định trong tương lai các phương tiện giáo dục phải có tính kỹ thuật cao mới có thể phát huy mọi giác quan của người học, mới có thể thực hiện được giáo dục đa chiều. Trên tinh thần đó Trung Quốc bắt đầu tiến hành xây dựng và cho phép đưa vào hoạt động đài truyền hình giáo dục cấp huyện. Chỉ một thời gian không lâu, kể từ khi có chủ trương đến cuối năm 1993 trên toàn Trung Quốc có 1/3 số huyện tiến hành xây dựng tới hơn 1000 đài truyền hình và 610 trạm thu qua vệ tinh, hơn 53000 điểm phát hình thuộc hệ thống giáo dục quản lý, phục

vụ nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cũng như học tập của học sinh ở các địa phương⁽⁶⁾.

Các biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên về chất lượng: Được sự đồng ý của Ủy ban Giáo dục Nhà nước, các cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương căn cứ vào tình hình cụ thể tiến hành giải quyết bước đầu quá trình chuẩn hoá giáo viên. (Trình độ chuẩn qui định giáo viên cao trung phải tốt nghiệp đại học trở lên, giáo viên sơ trung, tiểu học, mẫu giáo phải tốt nghiệp sơ phạm 9+3). Một biện pháp được nhiều cơ sở áp dụng là cố vũ giáo viên kết hợp chặt chẽ giữa quá trình dạy học với tự học theo các chuyên đề hàm thụ trên vô tuyến và dạy lẫn nhau. Biện pháp này thực chất là bồi dưỡng giáo viên tại chức, được sử dụng như biện pháp chiến lược của việc phát triển giáo dục nói chung và phát triển giáo dục sơ phạm nói riêng ở các địa phương. Tại mỗi huyện đều tổ chức một trường để bồi dưỡng và chuẩn hoá giáo viên tiểu học và mẫu giáo. Các khu hoặc châu có lực lượng lớn hơn có thể tổ chức ở bậc trung học. Bồi dưỡng và đào tạo các giáo viên cốt cán được thực hiện ở cấp tỉnh. Các trường trong địa bàn tự phân nhóm giáo viên, phối hợp thời gian hình thành các lớp bồi dưỡng. Giáo viên giảng dạy tại các lớp này được huy động, tuyển chọn từ một số giáo viên đại học, sinh viên đại học có năng lực, một số cán bộ nghiên cứu, một số cán bộ đủ tiêu chuẩn của các cơ quan Đảng, chính quyền tham gia. Đối với các giáo viên có thâm niên công tác cao, có kinh nghiệm giảng dạy, các cơ quan giáo dục các cấp trong điều kiện có thể đã quan tâm tới quyền lợi của họ bằng những biện pháp và

những chế độ cần thiết để nâng cao đời sống, giải quyết khó khăn trong sinh hoạt giúp họ yên tâm tập trung vào việc viết sách và đào tạo các giáo viên trẻ. Các địa phương tùy vào điều kiện tổ chức các lớp bồi dưỡng, lớp bổ túc ngắn hạn hoặc là mở các lớp bồi dưỡng theo các môn chuyên môn, các lớp nghiên cứu nghiệp vụ giảng dạy, các lớp bồi dưỡng giáo viên cốt cán... Thông qua các lớp này cùng với vận động giáo viên tranh thủ tự học, tương trợ giúp nhau cùng học để nâng cao dần chất lượng, tiến dần tới nhiệm vụ chuẩn hoá đội ngũ giáo viên. Nhằm giúp đỡ địa phương trong quá trình này, Ủy ban Giáo dục nhà nước cho tiến hành biên soạn và phát hành các loại sách tham khảo dành cho giáo viên, đồng thời phục hồi hệ thống kiểm tra định kỳ, sát hạch nghiêm túc đội ngũ giáo viên hiện có.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, Trung Quốc cũng tập trung xem xét lại những kinh nghiệm đã thu được trong thời gian trước đây để đưa ra được những quyết định phù hợp với quá trình cải cách. Thí dụ từ năm 1959, Trung Quốc đã chú ý xây dựng các trường điểm và xây dựng đội ngũ giáo viên cho các trường điểm. Vào thời điểm này các nhà quản lý giáo dục cho rằng nếu so sánh một cách tương đối thì các trường điểm phải có đội ngũ giáo viên tốt hơn các nơi khác. Vì vậy, vấn đề là phải bằng mọi cách củng cố tập thể giáo viên ở các trường điểm trở thành tập thể giáo viên mạnh cả về số lượng và chất lượng, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao phó. Phải làm cho đội ngũ này trở thành những tập thể tiêu biểu cho các trường khác học tập.

Ngoài việc chú ý xây dựng đội ngũ giáo viên ở các trường điểm, các nhà quản lý giáo dục Trung Quốc cũng nhận thấy muốn có một đội ngũ giáo viên tốt việc đầu tiên cần phải xây dựng và tiến hành cải cách tốt ở các trường sư phạm. Một trong những biện pháp ban đầu là phân cấp quản lý đối với các trường này. Theo qui định phân cấp mới, Ủy ban Giáo dục Nhà nước chỉ quản lý các trường đại học sư phạm, các tỉnh và các thành phố được giao quản lý các Học viện sư phạm và các cấp thấp hơn nhưng phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Ủy ban Giáo dục Nhà nước. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ VII, ngoài kinh phí cấp bình thường theo kế hoạch, Nhà nước còn ưu tiên cấp bổ xung ngoài kế hoạch 1,3 tỷ NDT cho giáo dục sư phạm. Sang kế hoạch 5 năm lần thứ VIII Nhà nước tiếp tục cấp ngoài kế hoạch cho giáo dục sư phạm 0,8 tỷ NDT. Đồng thời, tích cực thu hút đầu tư, trong đó có kế hoạch sử dụng 210 triệu USD của ngân hàng thế giới để cải tạo và trang thiết bị cho 50 học viện, 106 trường sư phạm và 62 học viện giáo dục. Dùng 20 triệu USD của quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc để cải tạo và trang thiết bị cho 201 trường trung cấp sư phạm, trong đó có cả các trường sư phạm mẫu giáo và sư phạm đặc biệt⁽⁷⁾. Sau khi khôi phục lại chức vụ giáo viên trong trường đại học và cao đẳng, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống chế độ bình xét chức danh cao cấp cho giáo viên trung và tiểu học nhằm nâng cao địa vị xã hội và đãi ngộ kinh tế đối với giáo viên bậc phổ thông.

c. Quan tâm nâng cao đời sống cả về vật chất và tinh thần để ổn định số lượng.

Tuy vậy đối với giáo viên, nhất là giáo viên trung học cơ sở và tiểu học trong

một thời gian dài địa vị xã hội cũng như địa vị chính trị chưa được đánh giá đúng mức. Về kinh tế mức thu nhập của họ cũng quá thấp không đủ chi phí cho cuộc sống nên khó có thể bàn đến chất lượng dạy học. Do vậy một trong những yêu cầu bức bách là phải nâng cao địa vị cho giáo viên bao gồm nâng cao tiền lương, giải quyết nhà ở, nâng thu nhập cùng với nâng cao địa vị chính trị xã hội của họ. Ủy ban Giáo dục Nhà nước đặt ra kế hoạch trong thời gian 5 năm hoặc hơn một chút phải làm cho tuyệt đại đa số giáo viên có thể đảm nhiệm tốt công việc của mình.

Mặt khác, các nhà quản lý giáo dục cũng nhận thấy để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới, ngoài việc tăng cường số lượng, chất lượng còn phải chú trọng nâng cao đời sống cho giáo viên. Theo thống kê của Ủy ban Giáo dục nhà nước Trung Quốc từ năm 1992 đến 1996 cả nước đã đầu tư 45,6 tỷ NDT cho xây dựng nhà ở với mục đích góp phần nâng cao điều kiện sinh hoạt cho những người làm công tác giảng dạy. Diện tích xây dựng mới này vào khoảng 76,78 triệu m² và khi đưa vào sử dụng đã làm tăng bình quân đầu người về nhà ở của giáo viên từ 6,6 m² cuối năm 1992 lên 8,4 m² cuối năm 1996⁽⁸⁾.

Để khuyến khích giáo viên công tác ở miền núi và vùng khó khăn, Trung Quốc còn có qui định sinh viên tốt nghiệp ra trường nếu đồng ý đến nhận công tác sẽ được miễn thời gian tập sự theo qui định chung là 1 năm. Ngoài ra còn tăng thêm 200 NDT phụ cấp khu vực vào thu nhập hàng tháng so với mức lương khởi điểm

qui định chung là 800 NDT của sinh viên mới ra trường nhận công tác ở các vùng khác. Đối với miền núi và các vùng kinh tế còn khó khăn ở khu vực miền Tây, giáo viên vẫn còn chế độ nhà tập thể. Trong trường hợp giáo viên lên công tác ở khu vực miền núi mà ký hợp đồng tình nguyện phục vụ từ 6 năm trở lên tại khu vực đó thì sẽ được chính quyền ở từng khu vực phụ cấp cho một khoản tiền từ 60.000 NDT đến 80.000 NDT để ổn định cuộc sống⁽⁹⁾.

Ngoài cơ sở vật chất đội ngũ giáo viên còn được quan tâm nâng cao đời sống tinh thần và địa vị chính trị. Để có đội ngũ giáo viên vừa hồng vừa chuyên các đơn vị giáo dục đã chú ý phát triển Đảng trong lực lượng giáo viên, vì một số lượng lớn giáo viên đã được thử thách và rèn luyện trong nhiều năm, được đánh giá tốt, đủ tiêu chuẩn, cần được kết nạp đúng lúc.

3. Một vài kết quả cụ thể của công tác chuẩn hoá giáo viên

Cùng với những thành công của công cuộc cải cách mở cửa, quá trình thực hiện chiến lược "khoa giáo hưng quốc"

đã đưa đến những thay đổi tích cực trong quan niệm về giáo dục của mọi tầng lớp nhân dân, địa vị của giáo dục được nâng'cao. Từ vị trí được coi là chiến lược trọng điểm trong việc xây dựng đất nước của giai đoạn phục hồi và phát triển giáo dục trong những năm đầu cải cách, đến giai đoạn 2 đã được xác định là sự nghiệp ưu tiên phát triển, khi bước sang giai đoạn này với mục tiêu chiến lược lấy khoa học giáo dục chấn hưng đất nước, vị trí của nền giáo dục đã được đưa lên vị trí hàng đầu. Sự thay đổi nhận thức về giáo dục phần nào cũng phản ánh những thành công của giáo dục trong sự phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc trong đó có sự đóng góp tích đáng của đội ngũ giáo viên các cấp.

Với các chế độ chính sách chung của Quốc vụ viện và Bộ Giáo dục cùng với sự quan tâm của các địa phương nên mặc dù phải phấn đấu tích cực cho nhiệm vụ chuẩn hoá, có những nơi còn phấn đấu nâng lên mức vượt chuẩn nhưng đội ngũ giáo viên ở các cấp học phổ thông đã dần dần đi vào ổn định, đảm bảo đáp ứng cả về số lượng và chất lượng.

Cấp học	1998	2001	2002
Tiểu học	1:21,04	1: 21,64	1: 21,96
Sơ trung	1:19,29	1: 19,24	1: 19,29
Cao trung	1:17,80	1: 16,73	1: 17,80

Thống kê trên đây cho thấy tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt chuẩn đã tương đối ổn định và đảm bảo hiệu suất của việc mở lớp⁽¹⁰⁾. Theo báo cáo tại các địa phư-

ơng đến tháng 9 năm 2002, Trung Quốc đã hoàn thành giai đoạn hai tiến độ thực hiện các dự án "Công trình giáo dục nghĩa vụ tại khu vực nghèo khó toàn

quốc" và đến tháng 6 năm 2003 hệ thống giáo dục Trung Quốc có 226,01 triệu học sinh phổ thông các cấp, số lượng này không thay đổi nhiều so với một vài năm trước. Báo cáo cũng cho thấy các địa phương đã đảm bảo đủ số lượng 11,4 triệu giáo viên với gần 9 triệu giáo viên tiểu học và trung học phổ thông theo yêu cầu của kế hoạch. Chính sự phát triển toàn diện của giáo dục ở bậc phổ thông cũng là một minh chứng cho sự phát triển đồng đều cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ giáo viên.

Trên cơ sở thành tích đã đạt được, Trung Quốc đưa ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 trên toàn Trung Quốc cứ 10 vạn dân thì phải có khoảng 1,35 vạn người có trình độ học lực chuyên ngành và trên chuyên ngành, có khoảng 3,1 vạn người có học lực giai đoạn cao trung, số mù chữ và nửa mù chữ giảm xuống dưới 3%, số năm được tiếp nhận giáo dục bình quân cho đầu người là 11 năm. (Hiện nay tố chất khoa học và trình độ văn hoá của người Trung Quốc còn có phần thấp, bình quân số năm được giáo dục mới là 8 năm, trong khi nhiều nước khác trên thế giới là 10 năm). Phấn đấu đưa tỷ lệ nhập học đầu vào hàng năm của giáo dục đại học vượt trên mức 14% là mức bình quân hiện nay của thế giới⁽¹¹⁾. Cho dù sang thế kỷ mới tri thức khoa học kỹ thuật thế giới liên tục phát triển buộc chương trình, giáo trình các cấp phải thường xuyên cải cách nhưng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn cũng như hiệu

suất đứng lớp vẫn phải được đảm bảo ổn định ở mức cao.



CHÚ THÍCH:

1. Văn phòng nghiên cứu văn kiện Ban Chấp hành Trung ương (1996), *Tuyển chọn những văn kiện trọng yếu từ Đại hội XIV đến nay*, Nxb Nhân dân Bắc Kinh Trung Quốc, Trang 81, (chữ Trung).
2. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên (1999), *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, trang 393, (chữ Trung).
3. Như chú thích 2, Trang 306.
4. Bản tin Trung Quốc (2003), *Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố công báo thống kê phát triển sự nghiệp giáo dục toàn quốc*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 6.
5. Bạch Nguyệt Kiều (1999), *Bàn về cải cách chương trình*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, trang 278, (chữ Trung).
6. Bản tin Trung Quốc (1994), *Thông tin văn hoá xã hội*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, (Số 3).
7. Như chú thích 2 trang 393.
8. Bản tin Trung Quốc (1998), *Thông tin văn hoá xã hội*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, (Số 1).
9. Theo báo cáo của Đoàn thanh tra Bộ Giáo dục Việt Nam thăm Trung Quốc từ ngày 3 đến 14 tháng 12 năm 2003.
10. Như chú thích 4.
11. Bản tin Trung Quốc (2003), Bộ trưởng Giáo dục Trần Chí Lập giới thiệu mục tiêu phát triển giáo dục Trung Quốc, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, (Số 1).